TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05** /2018/DS - ST
Ngày 15 - 01 - 2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Long

Bà Cao Thị Chính

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Quang Trí là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q*** *tham gia phiên tòa:* Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố. Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2017/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Tuyết M, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Đình T, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2017 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M trình bày:

Xuất phát từ quan hệ quen biết, ngày 08/01/2017 vợ chồng bà Huỳnh Thị Tuyết M và ông Lê Đình T có cho vợ chồng ông Phạm Ngọc D và bà Hoàng Thị Đ vay số tiền: 90.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, không thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay nợ này có ghi ông D, bà Đ thế chấp ngôi nhà cho vợ chồng bà M nhưng thực tế không có thế chấp tài sản này và bà M không yêu cầu giải quyết. Ngày 06/3/2017 bà M, ông T tiếp tục cho vợ chồng ông D, bà Đ vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, không thỏa thuận về lãi suất. Tổng cộng số tiền bà M, ông T cho vợ chồng ông D, bà Đ vay là 140.000.000đ; cả hai lần vay đều viết bằng giấy viết tay.

Sau khi vay ông D, bà Đ chưa trả được tiền gốc 140.000.000đ và tiền lãi. Thời gian qua, bà M nhiều lần nhắc nhở nhưng ông D, bà Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do vợ chồng ông D, bà Đ không trả được nợ nên bà M khởi kiện yêu cầu ông D, bà Đ phải trả cho vợ chồng bà M, ông T số tiền còn nợ 140.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Phạm Ngọc D và bà Hoàng Thị Đ:

Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông D, bà Đ không đến Tòa làm việc, vắng mặt không có lý do.

Căn cứ bản tự khai cùng ngày 13/10/2017, bị đơn ông Phạm Ngọc D và bà Hoàng Thị Đ khai: Để có tiền hùn vốn kinh doanh, ngày 08/01/2017 vợ chồng ông D, bà Đ có vay vợ chồng bà M, ông T số tiền: 90.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng (giấy mượn tiền do bà Đ viết) và ngày 06/3/2017 tiếp tục vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng (giấy mượn tiền do ông D viết). Tổng cộng 02 lần vay ông D, bà Đ vay vợ chồng bà M, ông T số tiền 140.000.000đ.

Nay bà M khởi kiện đòi nợ, vợ chồng ông D, bà Đ đồng ý trả số tiền còn nợ 140.000.000đ nhưng xin trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T trình bày:

Ông T là chồng của bà Huỳnh Thị Tuyết M, ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M. Yêu cầu vợ chồng ông D, bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền gốc 140.000.000đ, không yêu cầu tính lãi; ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên có vi phạm thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; còn bị đơn thực hiện không đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị ông D và bà Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà M và ông T số tiền nợ gốc là 140.000.000đ, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Tuyết M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với vợ chồng ông Phạm Ngọc D và bà Hoàng Thị Đ, trú tại địa chỉ: phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Q.

[1.2] Về vắng mặt bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho ông D, bà Đ nhưng ông D, bà Đ không đến Tòa làm việc. Trước khi xét xử, Tòa đã áp dụng các thủ tục theo quy định tại Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông D, bà Đ không có mặt tại phiên toà. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Do có sự quen biết từ trước và cần tiền để hùn vốn làm ăn, ngày 08/01/2017, vợ chồng bà Huỳnh Thị Tuyết M và ông Lê Đình T có cho vợ chồng ông Phạm Ngọc D và bà Hoàng Thị Đ vay số tiền: 90.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, không thỏa thuận về lãi suất. Ngày 06/3/2017 bà M, ông T tiếp tục cho ông D, bà Đ vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, không thỏa thuận về lãi suất. Tổng cộng số tiền bà M, ông T cho ông D, bà Đ vay là 140.000.000đ và cả hai lần vay đều viết bằng giấy viết tay có chữ ký của ông D, bà Đ.

Sau khi vay cho đến nay, ông D bà Đ chưa trả được nợ gốc 140.000.000đ và lãi theo quy định. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà Đ trả số tiền gốc 140.000.000đ; không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà M HĐXX thấy rằng:

Tại bản tự khai ngày 13/10/2017 vợ chồng ông D, bà Đ khai nhận có vay tiền của vợ chồng bà M, ông T số tiền 90.000.000đ (theo giấy mượn tiền ngày 08/01/2017, do bà Đ viết) và 50.000.000đ (theo giấy mượn tiền ngày 06/3/2017, do ông D viết); tổng cộng số tiền ông D, bà Đ đã vay vợ chồng bà M, ông T theo hai lần vay là 140.000.000đ. Ông D, bà Đ đồng ý trả nợ số tiền 140.000.000đ nhưng xin trả dần hàng tháng cho đến khi trả hết nợ (BL 19, 20). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xét xử nhưng ông D, bà Đ không đến Tòa làm việc, vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ ông D, bà Đ cố tình chây ì, không có thiện chí trả nợ cho vợ chồng bà M. Như vậy, việc bà M khởi kiện yêu cầu ông D, bà Đ phải trả cho vợ chồng bà M, ông T số tiền vay gốc còn nợ 140.000.000đ và không đồng ý xin trả nợ dần là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: Bà M không yêu cầu Tòa tính lãi chậm trả đối với số tiền vay gốc còn nợ 140.000.000đ; xét thấy yêu cầu của bà M là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Ngoài ra, tại giấy mượn tiền ngày 08/01/2017 nêu trên có ghi ông D, bà Đ có thế chấp căn nhà cho bà M, ông T nhưng thực tế không có thế chấp tài sản này và nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì:

Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông D và bà Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm: (140.000.000 x 5%) = 7.000.000đ.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tuyết M. Buộc ông Phạm Ngọc D và bà Hoàng Thị Đ phải trả cho bà Huỳnh Thị Tuyết M và ông Lê Đình T số tiền vay gốc còn nợ 140.000.000đ *(một trăm bốn mươi triệu đồng).*

2. Bác yêu cầu của ông Phạm Ngọc D và bà Hoàng Thị Đ xin trả dần hàng tháng số tiền vay gốc còn nợ 140.000.000đ cho bà Huỳnh Thị Tuyết M và ông Lê Đình T cho đến khi hết nợ.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Tuyết M về việc không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền vay gốc còn nợ 140.000.000đ.

4. Về án phí:

4.1. Ông Phạm Ngọc D và bà Hoàng Thị Đ phải chịu 7.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Bà Huỳnh Thị Tuyết M không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Tuyết M 3.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005318 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh Bình Định.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Quang Định